

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo và đã được Ban điều hành phê duyệt.

### BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành của Công ty bao gồm: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty

Các thành viên của Ban điều hành Công ty trong năm 2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Trần Mỹ Linh	Chủ tịch	
Ông Lê Đình Dương	Phó Chủ tịch	
Ông Trịnh Thanh Giảng	Thành viên HĐQT độc lập	
Ông Lê Xuân Tùng	Thành viên	
Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Lê Trí Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bé Công Sơn	Phó Tổng Giám đốc

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Dung	Trưởng ban Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/07/2025 Bổ nhiệm ngày 26/06/2025 Miễn nhiệm ngày 16/07/2025
Bà Nguyễn Thị Loan	Trưởng ban kiểm soát nội bộ, tuân thủ	
Ông Đoàn Đức Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Ông Trương Duy Phong	Thành viên	
Ông Trần Hùng Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025

#### Kế toán trưởng

Bà Đào Thu Thủy

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Bà Trần Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

#### CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Ban điều hành Công ty khẳng định rằng, ngoài thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH

Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm và được Ban điều hành phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban điều hành Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

Số: 708/2026/UHY-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình  
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Ban điều hành  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoà Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08/4/2026, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 22/2025/BB-HBS ngày 28/12/2025: Hội đồng Quản trị đã giao cho bà Trần Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký các thủ tục chuyển trả bà Nguyễn Thị Loan với số tiền khoảng hơn 8,4 tỷ đồng và 266.030 cổ phiếu HHS có nguồn gốc từ việc Công ty sử dụng nguồn tiền cá nhân và chứng khoán của bà Nguyễn Thị Loan. Đồng thời, Công ty xác nhận rằng tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không còn số dư chứng khoán, không còn tiền của Nhà đầu tư, toàn bộ tiền gửi tại các tài khoản Ngân hàng đều là tiền thuộc sở hữu của Công ty.
- Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 21/2025/BB-HBS ngày 28/10/2025: Hội đồng sáng lập và Hội đồng Quản trị Công ty yêu cầu Bà Trần Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục phong tỏa số dư chứng khoán đến ngày 29/10/2025 là 10.941.539 cổ phiếu của 519 mã chứng khoán, tương ứng với giá trị 86.667.592.642 đồng, của 356 tài khoản cá nhân mở tại Công ty cho đến khi có kết luận của Cơ quan bảo vệ pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi chuyển dịch chứng khoán và mua bán, giao dịch liên quan đến 10.941.539 cổ phiếu này.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang tiến hành làm việc với cơ quan bảo vệ pháp luật để xác minh và chưa có kết luận cuối cùng về trách nhiệm của các cá nhân và tập thể liên quan các giao dịch của các cổ phiếu nêu trên. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá về số dư và các giao dịch này cũng như các ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoà Bình tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.



**Phạm Gia Đạt**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
0798-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**Hoàng Thị Nga**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
4079-2023-112-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		330.311.836.327	319.769.571.399
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>	110		330.311.836.327	318.170.503.898
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	19.772.570.876	12.774.448.934
Tiền	111.1		19.772.570.876	12.774.448.934
Các khoản tương đương tiền	111.2		-	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112		-	2.014.991.480
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	6	306.300.000.000	296.893.117.809
Các khoản phải thu	117	7	-	3.471.027.363
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		-	3.471.027.363
Trả trước cho người bán	118	7	-	105.000.000
Các khoản phải thu khác	122	7	4.239.265.451	2.911.918.312
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	130		-	1.599.067.501
Tạm ứng	131		-	26.505.202
Chi phí trả trước ngắn hạn	133		-	1.511.846.280
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	60.716.019
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		46.125.134.575	49.132.904.043
Tài sản tài chính dài hạn	210	8	8.376.160.000	6.477.540.461
Các khoản đầu tư	212		8.376.160.000	8.376.160.000
Đầu tư dài hạn khác	212.4		8.376.160.000	8.376.160.000
Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn	213		-	(1.898.619.539)
Tài sản cố định	220		-	1.426.087.198
Tài sản cố định hữu hình	221	9	-	23.587.200
- Nguyên giá	222		18.431.251.607	18.431.251.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(18.431.251.607)	(18.407.664.407)
Tài sản cố định vô hình	227	10	-	1.402.499.998
- Nguyên giá	228		20.849.916.470	20.849.916.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(20.849.916.470)	(19.447.416.472)
Bất động sản đầu tư	230	11	26.878.521.060	28.830.741.156
- Nguyên giá	231		76.868.886.130	76.868.886.130
- Giá trị hao mòn lũy kế	232a		(49.990.365.070)	(48.038.144.974)
Tài sản dài hạn khác	250		10.870.453.515	12.398.535.228
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		-	166.110.000
Chi phí trả trước dài hạn	252		-	668.008.837
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253		-	570.408.324
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	12	10.870.453.515	10.994.008.067
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>376.436.970.902</b>	<b>368.902.475.442</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		29.943.892.888	6.058.027.293
Nợ phải trả ngắn hạn	310		29.943.892.888	6.058.027.293
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	13.975.570
Phải trả người bán ngắn hạn	320		-	330.054.653
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322		1.183.402.803	1.963.447.582
Phải trả người lao động	323		-	1.195.533.987
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	194.763.910
Chi phí phải trả ngắn hạn	325		-	205.131.126
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	13	28.760.490.085	845.821.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	1.309.299.279
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400	14	346.493.078.014	362.844.448.149
Vốn chủ sở hữu	410		346.493.078.014	362.844.448.149
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		329.999.800.000	329.999.800.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		329.999.800.000	329.999.800.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		329.999.800.000	329.999.800.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		5.879.833.400	5.879.833.400
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		5.879.833.400	5.879.833.400
Lợi nhuận chưa phân phối	417		4.733.611.214	21.084.981.349
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		4.733.611.214	20.339.383.956
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	745.597.393
<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	440		<b>376.436.970.902</b>	<b>368.902.475.442</b>



Đào Thu Thủy  
Người lập biểu



Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
		VND	VND
<b>TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
Cổ phiếu đang lưu hành	006	32.999.980	32.999.980
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008		2.681.270.000
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012		5.420.000.000
<b>TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		405.264.510.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		405.070.740.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		193.770.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		71.375.010.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		48.840.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		71.326.170.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023		-
Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	025		-
Tiền gửi của khách hàng	026		38.322.840.669
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		38.322.840.669
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031		38.322.840.669
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		38.321.384.101
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.456.568

Đào Thu Thủy  
Người lập biểu



Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng




Trần Mỹ Linh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động</b>				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	3.707.603.369
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1		-	3.702.332.969
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.2		-	2.285.250
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3		-	2.985.150
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		-	14.356.305.577
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		-	266.631.182
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	15	854.372.510	-
Thu nhập hoạt động khác	11		-	10.681.628.135
<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>	20		854.372.510	29.012.168.263
<b>Chi phí hoạt động</b>				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		-	1.054.578.439
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	21.1		-	-
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2		-	1.054.578.439
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	17	-	4.826.528.692
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	17	148.272.835	200.557.354
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
Chi phí các dịch vụ khác	32		-	-
<b>Cộng chi phí hoạt động</b>	40		148.272.835	6.081.664.485
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	16	5.496.752.054	682.850.294
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>	50		5.496.752.054	682.850.294
<b>Chi phí tài chính</b>				
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		-	(80.317.321)
<b>Cộng chi phí tài chính</b>	60		-	(80.317.321)
Chi phí bán hàng	61		-	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	18	9.400.828.129	11.094.451.214
<b>Kết quả hoạt động</b>	70		(3.197.976.400)	12.599.220.179

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>Thu nhập khác và chi phí khác</b>				
Thu nhập khác	71	19	9.114.990.417	1.671.254
Chi phí khác	72		-	284.778.336
<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>	<b>80</b>		<b>9.114.990.417</b>	<b>(283.107.082)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90</b>		<b>5.917.014.017</b>	<b>12.316.113.097</b>
Lợi nhuận đã thực hiện	91		5.917.014.017	13.368.406.286
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	(1.052.293.189)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>100</b>		<b>1.183.402.803</b>	<b>2.519.581.256</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		1.183.402.803	2.730.039.894
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	(210.458.638)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>200</b>		<b>4.733.611.214</b>	<b>9.796.531.841</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	20	143	282

Đào Thu Thủy  
Người lập biểu

Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		-	(17.033.463.110)
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		-	68.859.000.000
Cổ tức đã nhận	04		854.372.510	2.985.150
Tiền lãi đã thu	05		5.496.752.054	11.904.032.901
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(148.272.835)	(245.314.618)
Tiền chi trả cho người lao động	08		(5.220.580.076)	(5.552.043.667)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(1.800.565.237)	(2.628.197.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		3.105.528.456	14.953.905.519
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(4.180.248.053)	(11.461.683.193)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(1.893.013.181)</b>	<b>58.799.221.894</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25		9.114.990.417	497.761.442
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>9.114.990.417</b>	<b>497.761.442</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(62.029.901.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		-	<b>(62.029.901.200)</b>
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		7.221.977.236	(2.732.917.864)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		12.550.593.640	15.507.366.798
Tiền	61		12.550.593.640	3.507.366.798
Các khoản tương đương tiền	62		-	12.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	19.772.570.876	12.774.448.934
Tiền	71	5	19.772.570.876	12.774.448.934
Các khoản tương đương tiền	72	5	-	-

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01			118.426.818.310
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02			(110.213.163.170)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07			74.166.774.293
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15			(71.381.553.244)
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	20			<i>10.998.876.189</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30			27.323.964.480
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31			27.323.964.480
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32			27.323.964.480
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40			38.322.840.669
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41			38.322.840.669
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42			38.322.840.669

Đào Thu Thủy  
Người lập biểu

Đào Thu Thủy  
Kế toán trưởng



Trần Mỹ Linh  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Chi tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
	Tại 01/01/2024	Tại 01/01/2025	Năm trước	Năm nay	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	329.999.800.000	329.999.800.000	-	-	329.999.800.000	329.999.800.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.991.340.768	5.879.833.400	888.492.632	-	5.879.833.400	5.879.833.400
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	4.991.340.768	5.879.833.400	888.492.632	-	5.879.833.400	5.879.833.400
Lợi nhuận chưa phân phối	79.953.887.416	21.084.981.349	10.638.366.380	(69.507.272.447)	21.084.981.349	4.733.611.214
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	78.366.455.472	20.339.383.956	10.638.366.380	(68.665.437.896)	20.339.383.956	4.733.611.214
- Lợi nhuận chưa thực hiện	1.587.431.944	745.597.393	-	(841.834.551)	745.597.393	-
<b>Cộng</b>	<b>419.936.368.952</b>	<b>362.844.448.149</b>	<b>12.415.351.644</b>	<b>(69.507.272.447)</b>	<b>362.844.448.149</b>	<b>346.493.078.014</b>

*Shung*

**Đào Thu Thủy**  
Người lập biểu

*Shung*

**Đào Thu Thủy**  
Kế toán trưởng



**Trần Mỹ Linh**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 082/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/02/2008, đã đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 15/09/2025 do Sở tài chính Thành phố Hà Nội cấp, Giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 13/GPĐC-UBCK ngày 14/2/2011, số 50/GPĐC-UBCK ngày 26/8/2011, số 51/UBCK ngày 18/12/2013 và mới nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 05/09/2025 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy phép hoạt động là 329.999.800.000 VND, tương đương 32.999.980 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 29 người (tại ngày 01/01/2025 là 28 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 7+9, số 46-48 Phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Hòa Bình	Tầng 7+9, số 46-48 Phố Bà Triệu, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	246 Cống Quỳnh, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

**Hoạt động chính**

Tư vấn đầu tư chứng khoán, đại lý phát hành chứng khoán, tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán.

**Hạn chế vay nợ**

Thực hiện theo điều 26 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

**Hạn chế cho vay**

Thực hiện theo điều 27 Thông tư số 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)**

**Hạn chế đầu tư**

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo Đồng Việt Nam.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản tiền sẵn sàng cho việc tham gia thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Cuối năm tài chính phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

**Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc, thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm máy vi tính và tài sản cố định vô hình khác. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao trong thời gian 03 năm.

**Bất động sản đầu tư và khấu hao**

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

	Số năm khấu hao
Nhà cửa	26,4
Máy móc thiết bị	10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau: Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khả năng thu hồi vốn của khoản đầu tư.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động của Công ty.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm trước (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Toàn bộ các thông tin với bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2025	Tại 01/01/2025
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng (*)	19.772.570.876	12.774.448.934
Cộng	<u>19.772.570.876</u>	<u>12.774.448.934</u>

(\*) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 22/2025/BB-HBS ngày 28/12/2025: Hội đồng Quản trị đã giao cho bà Trần Mỹ Linh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký các thủ tục chuyển trả bà Nguyễn Thị Loan với số tiền khoảng hơn 8,4 tỷ đồng có nguồn gốc từ việc Công ty sử dụng nguồn tiền cá nhân của bà Nguyễn Thị Loan. Đồng thời, Công ty xác nhận rằng tại thời điểm 31/12/2025, Công ty không còn số dư tiền của Nhà đầu tư, toàn bộ tiền tồn tại các tài khoản Ngân hàng đều là tiền của Công ty sở hữu.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (HTM)**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng (*)	306.300.000.000	230.774.104.110
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	66.119.013.699
	<u>306.300.000.000</u>	<u>296.893.117.809</u>

(\*) Tại 31/12/2025: Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
<b>Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư</b>	-	3.471.027.363
- Dự thu tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	3.471.027.363
<b>Trả trước cho người bán</b>	-	105.000.000
- Trả trước cho người bán khác	-	105.000.000
<b>Phải thu khác</b>	4.239.265.451	2.911.918.312
- Công ty Cổ phần Y Dược Phẩm Vimedimex	-	2.888.946.628
- Ông Bế Công Sơn	2.295.265.451	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex hỗ trợ phí dịch vụ mua ngoài	1.944.000.000	-
- Phải thu khác	-	22.971.684
<b>Cộng</b>	<b>4.239.265.451</b>	<b>6.487.945.675</b>
<b>Phải thu là các bên liên quan</b>	<b>4.239.265.451</b>	<b>2.888.946.628</b>

(Chi tiết tại thuyết minh số 22)

**8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Đầu tư dài hạn khác (*)</b>				
- Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình	2.940.000.000	-	2.940.000.000	(1.898.619.539)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	5.436.160.000	-	5.436.160.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.376.160.000</b>	<b>-</b>	<b>8.376.160.000</b>	<b>(1.898.619.539)</b>

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Quản lý Quỹ Quốc tế	TP. Hà Nội	9,92%	9,92%	Quản lý đầu tư chứng khoán
Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	TP. Hồ Chí Minh	49%	49%	Bất động sản

(\*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
Tại 31/12/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>				
Tại 01/01/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.291.080.299	18.407.664.407
Khấu hao trong năm	-	-	23.587.200	23.587.200
Tại 31/12/2025	15.448.572.207	1.668.011.901	1.314.667.499	18.431.251.607
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2025	-	-	23.587.200	23.587.200
Tại 31/12/2025	-	-	-	-

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao là 18.431.251.607 VND (tại 01/01/2025 là 18.360.490.007 VND).

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2025	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
Tại 31/12/2025	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
<b>HAO MÒN LUỸ KẾ</b>			
Tại 01/01/2025	18.687.361.649	760.054.823	19.447.416.472
Khấu hao trong năm	1.375.000.001	27.499.997	1.402.499.998
Tại 31/12/2025	20.062.361.650	787.554.820	20.849.916.470
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2025	1.375.000.001	27.499.997	1.402.499.998
Tại 31/12/2025	-	-	-

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao là 20.849.916.470 VND (tại 01/01/2025 là 15.434.916.470 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2025	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
Tại 31/12/2025	51.538.610.342	25.330.275.788	76.868.886.130
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2025	22.707.869.186	25.330.275.788	48.038.144.974
Khấu hao trong năm	1.952.220.096	-	1.952.220.096
Tại 31/12/2025	24.660.089.282	25.330.275.788	49.990.365.070
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2025	28.830.741.156	-	28.830.741.156
Tại 31/12/2025	26.878.521.060	-	26.878.521.060

(\*) Liên quan đến Hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng Vimedimex số 022/2009/HD-VM-HBS ngày 02/02/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2014/PLHD ngày 01/08/2024 về việc quản lý khai thác quyết toán giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình ("HBS") và Công ty Cổ phần Y dược phẩm Vimedimex ("VMD"):

- **Mục tiêu:** Xây dựng Cao ốc văn phòng Vimedimex tại 246 Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- **Phân chia quyền lợi:**
  - + VMD được quyền sở hữu 48% phần diện tích sàn xây dựng (gồm cả diện tích công cộng) tương đương 3.711,36 m<sup>2</sup> của Cao ốc và một phần tầng hầm theo tỷ lệ tương ứng.
  - + HBS được quyền sở hữu 52% phần diện tích sàn xây dựng (gồm cả diện tích công cộng) tương đương 4.020,64 m<sup>2</sup> của Cao ốc và một phần tầng hầm theo tỷ lệ tương ứng tính đến hết thời hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AH 109010 do Sở tài nguyên và môi trường TP. HCM cấp ngày 24/03/2008.
- Hai bên cùng thành lập Công ty TNHH Bất động sản Vimedimex Hòa Bình để quản lý và khai thác Cao ốc theo Luật doanh nghiệp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**12. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.773.057.935	5.773.057.935
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.977.395.580	5.100.950.132
<b>Cộng</b>	<b>10.870.453.515</b>	<b>10.994.008.067</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại 31/12/2025 VND	Tại 01/01/2025 VND
Phải trả khác	28.760.490.085	845.821.186
<b>Cộng</b>	<b>28.760.490.085</b>	<b>845.821.186</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HÒA BÌNH**

Tầng 7+9, số 46-48 phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****14.1 BẢNG BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quý dự trừ bổ sung	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	vốn điều lệ	và rủi ro nghiệp vụ	chưa phân phối	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2024</b>	<b>329.999.800.000</b>	<b>4.991.340.768</b>	<b>4.991.340.768</b>	<b>79.953.887.416</b>	<b>419.936.368.952</b>
- Trích bổ sung các Quỹ	-	888.492.632	888.492.632	(1.776.985.264)	-
- Trích bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(888.492.632)	(888.492.632)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(65.999.960.000)	(65.999.960.000)
- Lãi trong năm	-	-	-	9.796.531.829	9.796.531.829
<b>31/12/2024</b>	<b>329.999.800.000</b>	<b>5.879.833.400</b>	<b>5.879.833.400</b>	<b>21.084.981.349</b>	<b>362.844.448.149</b>
<b>01/01/2025</b>	<b>329.999.800.000</b>	<b>5.879.833.400</b>	<b>5.879.833.400</b>	<b>21.084.981.349</b>	<b>362.844.448.149</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	4.733.611.214	4.733.611.214
- Giảm trong năm	-	-	-	(21.084.981.349)	(21.084.981.349)
<b>31/12/2025</b>	<b>329.999.800.000</b>	<b>5.879.833.400</b>	<b>5.879.833.400</b>	<b>4.733.611.214</b>	<b>346.493.078.014</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**14.2 CHI TIẾT VỀ VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cổ đông	Tại 31/12/2025		Tại 01/01/2025	
	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND	Tỷ lệ %
- Ông Nguyễn Phan Trung Kiên	80.000.100.000	24,24%	-	0%
- Ông Phạm Ngọc Quân	-	0%	80.000.100.000	24,24%
- Ông Lê Đình Dương	65.064.550.000	19,72%	65.064.550.000	19,72%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	58.000.000.000	17,58%	-	0%
- Ông Nguyễn Anh Đức (*)	-	0,00%	58.000.000.000	17,58%
- Ông Bế Công Sơn	43.000.000.000	13,03%	-	0,00%
- Ông Lê Duy Phúc	-	0,00%	43.000.000.000	13,03%
- Các cổ đông khác	83.935.150.000	25,43%	83.935.150.000	25,43%
<b>Cộng</b>	<b>329.999.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>329.999.800.000</b>	<b>100,00%</b>

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-HBS ngày 26/06/2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình đã biểu quyết thông qua thu hồi 5.800.000 cổ phiếu HBS từ ông Nguyễn Anh Đức, chiếm 17,58% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Chứng khoán Hòa Bình và Hủy bỏ tư cách cổ đông, đồng nghĩa với việc ông Nguyễn Anh Đức sẽ không còn là cổ đông của Công ty Chứng khoán Hòa Bình kể từ ngày 01/01/2025. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình (HBS) xác nhận và công nhận Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex là cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình, sở hữu 5.800.000 cổ phiếu HBS chiếm 17,58% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025.

**14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	329.999.800.000	329.999.800.000
+ Vốn góp cuối năm	329.999.800.000	329.999.800.000

**14.4 TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NHƯ SAU:**

	Tại 31/12/2025 Cổ phiếu	Tại 01/01/2025 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.999.980	32.999.980
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu phổ thông	32.999.980	32.999.980
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**15. DOANH THU NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	854.372.510	-
<b>Cộng</b>	<b>854.372.510</b>	<b>-</b>

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	5.496.752.054	682.850.294
<b>Cộng</b>	<b>5.496.752.054</b>	<b>682.850.294</b>

**17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	-	4.826.528.692
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	148.272.835	200.557.354
<b>Cộng</b>	<b>148.272.835</b>	<b>5.027.086.046</b>

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	5.220.580.076	6.485.007.585
Chi phí vật tư văn phòng	34.040.727	39.690.114
Chi phí thuế, phí và lệ phí	-	34.674.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.883.709.249	3.973.882.450
Chi phí bằng tiền khác	1.262.498.077	561.196.868
<b>Cộng</b>	<b>9.400.828.129</b>	<b>11.094.451.214</b>

**19. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác	9.114.990.417	1.671.254
<b>Cộng</b>	<b>9.114.990.417</b>	<b>1.671.254</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	4.733.611.214	9.796.531.841
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu	-	(489.826.592)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(489.826.592)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.733.611.214	9.306.705.249
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	32.999.980	32.999.980
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>143</u>	<u>282</u>

**21. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong năm không tách riêng được. Do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế	Bên liên quan với Chủ tịch/thành viên HĐQT
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	Bên liên quan với Chủ tịch/thành viên HĐQT, cổ đông Công ty
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	Cổ đông lớn Công ty
- Ông Bé Công Sơn	Cổ đông lớn Công ty, Phó Tổng Giám đốc

**Giao dịch với bên liên quan**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	9.114.990.417	10.681.578.136
- Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	-	10.408.361.621
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	-	1.952.220.096
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	-	3.904.440.192
	<u>9.114.990.417</u>	<u>12.633.798.232</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Số dư với bên liên quan**

<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex	-	2.888.946.628
- Công ty TNHH BĐS Vimedimex Hòa Bình	-	-
- Ông Bé Công Sơn	2.295.265.451	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Vimedimex	1.944.000.000	-
	<b>4.239.265.451</b>	<b>2.888.946.628</b>

**23. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**

- Ngày 24/11/2025, Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam đã ban hành Quyết định số 93/QĐ-SGDVN về việc đình chỉ hoạt động mua chứng khoán đối với Công ty Cổ phần chứng khoán Hòa Bình.
- Ngày 23/10/2025, Ủy ban Chứng khoán nhà nước đã ban hành Quyết định số 816/QĐ-UBCK về việc đặt Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình vào tình trạng kiểm soát đặc biệt.
- Ngày 03/10/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1218/QĐ-SGDHN về việc đưa vào diện bị hạn chế giao dịch: Cổ phiếu HBS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình bị hạn chế giao dịch.
- Ngày 28/08/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ban hành Thông báo số 3917/TB-SGDHN về việc cổ phiếu HBS của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình không được giao dịch ký quỹ từ ngày 03/09/2025.
- Ngày 31/07/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Hòa Bình đã ra Quyết định số 22/2025/QĐ-HBS về việc cầm thanh toán cho khách hàng liên quan đến các khoản tiền nộp vào và rút ra từ một số tài khoản của Công ty; phong tỏa mã chứng khoán của 1.220 tài khoản cá nhân kể từ ngày 12/07/2025.

**24. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

**Đào Thu Thủy**  
Người lập biểu

**Đào Thu Thủy**  
Kế toán trưởng



**Trần Mỹ Linh**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2026